TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 68/2025/QĐST-HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 27 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HƯNG YÊN

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 148/2025/TLST- VHNGĐ ngày 19/11/2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc

- Chị Trương Thị T, sinh năm 1981.
- Anh Nguyễn Thái B, sinh năm 1977.

Địa chỉ: số nhà B, ngõ E, đường T, thôn G, xã K, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Thái B đều trình bày: Chị T và anh B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện K, tỉnh Thái Bình nay là xã K tỉnh Hưng Yên vào ngày 17 tháng 11 năm 2003. Quá trình chung sống đến đầu năm 2025 phát sinh mâu thuẫn do tính tình hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Nay chị T và anh B cùng xác định vợ chồng không còn tình cảm, không muốn đoàn tụ gia đình, vợ chồng thống nhất

thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của hai anh chị. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu, ngày 19 tháng 11 năm 2025, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy chị T và anh B đều thực sự tự nguyện ly hôn. Vì vậy cần công nhận thuận tình ly hôn cho chị T và anh B là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Ly hôn chị T và anh B thống nhất thỏa thuận các nội dung sau:

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thu M, sinh ngày 29/9/2004 đã trưởng thành và Nguyễn Trường An S ngày 13/9/2009. Ly hôn chị T và anh B thỏa thuận là chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trường A và chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con T. Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: chị Trương Thị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân**:** Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Thái B thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung**:** Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thu M sinh ngày 29/9/2004 đã trưởng thành và Nguyễn Trường An S ngày 13/9/2009. Ly hôn chị T và anh B thỏa thuận là chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trường A và chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con T. Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Chị T và anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trương Thị T tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003397 ngày 19/11/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Hưng Yên. Chị Trương Thị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Hưng Yên;
- Cơ quan THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Kiến Xương, ĐKKH 17/11/2003;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Xuân